

**Ex 1: Look at the pictures. Ask and answer.**

<p><b>Example:</b></p>  <p>A: your sister / make a cake? → Is your sister making a cake? B: Yes, she is.</p>	<p><b>1</b></p>  <p>A: your friend / swim? B:</p>	<p><b>2</b></p>  <p>A: they / listen to music? B:</p>
<p><b>3</b></p>  <p>A: Mi / play the piano? B:</p>	<p><b>4</b></p>  <p>A: they / learn English? B:</p>	<p><b>5</b></p>  <p>A: your friends / cycle to school? B:</p>

**Ex 2: Put the verb in brackets in the *present continuous*.**

1. Nam (read) \_\_\_\_\_ a book now.
2. They (play) \_\_\_\_\_ football at the moment.
3. My sister (not make) \_\_\_\_\_ a sandwich at present.
4. I (go) \_\_\_\_\_ to the supermarket at the moment.
5. \_\_\_\_\_ hey (talk) \_\_\_\_\_ about their new friends?

**Ex 3: Look at the pictures. Use *positive* or *negative* *present continuous* verbs.**

(Sử dụng dạng khẳng định và phủ định của thì hiện tại tiếp diễn.)

**Example:** She's talking to Mai. (talk)

(Ví dụ: Cô ấy đang nói chuyện với Mai.)



1. Nam and Ba \_\_\_\_\_ . (eat ice cream)
2. Lan and Trang \_\_\_\_\_ . (take photos)
3. Ha \_\_\_\_\_ . (write a letter)
4. Duong and Hung \_\_\_\_\_ . (play badminton)
5. Phong \_\_\_\_\_ . (draw a picture)

**Ex 4: Put the verbs in brackets in the *present simple* or *present continuous*.**

(Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại đơn hoặc thì hiện tại tiếp diễn.)

1. My best friend (not walk) \_\_\_\_\_ to school every day. Sometimes she (cycle) \_\_\_\_\_ .
2. Look! What \_\_\_\_\_ he (play) \_\_\_\_\_ ?
3. \_\_\_\_\_ your friends (study) \_\_\_\_\_ in the library every afternoon?
4. I (write) \_\_\_\_\_ an email to my friend now.
5. He (not do) \_\_\_\_\_ his homework now. He (read) \_\_\_\_\_ .